

Số: 14/QĐ-THPTQS

Quế Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai dự toán ngân sách năm 2024
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT QUẾ SƠN

Căn cứ Quyết định 235/QĐ-UB ngày 28.01.1997 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Quế Sơn;

Căn cứ chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng được qui định trong Điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của trường THPT Quế Sơn (theo biểu mẫu đính kèm)

Thời gian công khai: Từ ngày 10/01 đến ngày 31/01/2024

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị, bộ phận văn phòng, kế toán và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở GD&ĐT (Để biết);
- Lưu: VT².



Nguyễn Ngọc Chín

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM

Phụ lục số 01

Mã chương: 422C

DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN HỌC PHÍ

Đơn vị: Trường THPT Quế Sơn

Mã số QHNS: 1009978

STT: 13

(Kèm theo Quyết định số: 2093/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 của Sở GDĐT)

ĐVT: 1.000 đồng

	Nội dung	Dự toán giao	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN HỌC PHÍ		
I	Dự toán thu học phí giáo dục phổ thông công lập	610.300	
1	Thu học phí từ học sinh theo quy định	578.400	
2	Thu học phí từ ngân sách cấp bù do miễn, giảm	31.900	
II	Dự toán chi từ nguồn thu được để lại	610.300	
	Chi từ nguồn học phí giáo dục phổ thông công lập	610.300	
	Trong đó:		
	+ Trích 40% nguồn thu để bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương	244.100	
	+ Trích tối thiểu 5% chi hoạt động ngoại khóa.	30.500	
	+ Trích tối thiểu 20% chi tăng cường cơ sở vật chất	122.100	
	+ Chi trả phụ cấp thâm niên nhà giáo	42.700	
	+ Phần còn lại đơn vị dùng chi hoạt động	170.900	
B	DỰ TOÁN CHI NSNN PHÂN BỐ	9.915.700	
I	Dự toán chi thường xuyên theo định mức	8.329.000	
1	Dự toán chi thường xuyên theo định mức (*)	8.329.000	
1.1	Quỹ tiền lương (theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng)	7.766.300	
	Chia ra:		
	- Quỹ tiền lương lao động thực tế có mặt	7.734.800	
	- Tạm phân bổ tiền lương đối với giáo viên chưa tuyển so với định mức quy định để tuyển mới giáo viên hoặc chỉ dạy tăng, dạy thay, thỉnh giảng theo quy định	31.500	
	Nguồn thực hiện chi quỹ tiền lương		
	Chia ra:		
(*)	- Nguồn ngân sách nhà nước phân bổ	7.361.800	
(*)	- Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện tăng MLCS từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng	160.400	
	- Huy động nguồn CCTL tại đơn vị để thực hiện tăng MLCS từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng (nguồn CCTL năm 2023 còn lại)	0	
	- Huy động nguồn CCTL tại đơn vị để thực hiện tăng MLCS từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng (40% nguồn thu học phí)	244.100	

	Nội dung	Dự toán giao	Ghi chú
1.2	Dự toán chi hoạt động	967.200	
	Chia ra:		
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện tăng MLCS từ 1,49 triệu đồng lên 1,8 triệu đồng	160.400	
(*)	- Dự toán còn lại dùng chi hoạt động	806.800	
	Trong đó:		
	+ Dành tối thiểu 5% chi hoạt động ngoại khóa	40.300	
	+ Dành tối thiểu 20% để mua sắm, sửa chữa trang thiết bị dạy học tại đơn vị	161.400	
2	Dự toán chi không thường xuyên theo định mức phục vụ hoạt động chung của ngành	0	
2.1	Hỗ trợ vận chuyển gạo đến trường (theo ND 116/2016/NĐ-CP)	0	
2.2	Hỗ trợ phục vụ nấu ăn tập trung cho các trường THPT có học sinh nội trú	0	
2.3	Bồi dưỡng đội tuyển tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển (theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND)		
II	Dự toán chi không thường xuyên ngoài định mức:	1.586.700	
1	Tiền lương lao động hợp đồng (vị trí việc làm theo Điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ký kết hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP)	178.100	
2	Hỗ trợ chi phí học tập (theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)	32.400	
3	Cấp bù kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí (theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)	31.900	
4	Chế độ học sinh DTNT theo Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT	0	
5	Chế độ cho học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	38.900	
6	Chế độ đối với học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật (theo Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND)	28.200	
7	Chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP)	0	
8	Chính sách đối với viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP)	0	
9	Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo (theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP)	1.265.200	
10	Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc tại các Trường (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP)	0	
11	Mua sắm phần mềm quản lý thiết bị dạy học	12.000	

Bảng chữ: Chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng./.